TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thành

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2022/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu Xóm T, xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu Xóm T, xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/9/2004 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh

Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, đã ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hóa.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/8/2004, Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/4/2009 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/10/2011. Hiện nay cả ba con chung đang ở cùng anh H. Khi ly hôn chị nhất trí giao cả ba con chung cho anh H được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ 01 tháng/1 con chung, kể từ tháng 6/2022 cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

2, Phía bị đơn anh Nguyễn Văn H: Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2022 bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ anh Hóa) trình bày: Anh H là con trai bà, chị L là con dâu. Chị L và anh H được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn 24/9/2004 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng anh H và gia đình bà, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì chị L ra ngoài đi làm ăn. Từ năm 2015 đến nay chị L không quay về chung sống cùng anh H nữa, chỉ thỉnh thoảng gọi điện thoại về hỏi thăm các con, giữa chị L và anh H không nói chuyện được với nhau, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Khi chị L làm đơn xin ly hôn chị L có về nhà bà để trao đổi với anh H về việc chị xin ly hôn, anh H có nói với chị L anh không muốn ly hôn để vợ chồng cùng nuôi con, nếu chị L muốn ly hôn thì chị L tự làm thủ tục ly hôn còn anh H sẽ không đến Tòa án làm việc. Anh H có nói với bà nếu chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh H cũng không có ý kiến gì. Nay chị L xin ly hôn bà mong muốn chị L anh H đoàn tụ để nuôi con, nếu chị L kiên quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy đinh của pháp luật bà không có ý kiến gì.

4, Nguyện vọng của cháu Nguyễn Anh T, Nguyễn Anh T và Nguyễn Anh T: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê cùng đại diện Ủy ban nhân dân xã N đến nhà anh H để làm việc về nội dung chị L xin ly hôn anh H. Cháu Tùng, cháu T có mặt ở nhà và trình bày quan điểm nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu T, cháu T đề nghị xin đ□ợc ở với bố. Cháu T hiện đi làm tự do ở Hà

Nội không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy được ý kiến của cháu T, cháu T có nhờ bà Nguyễn Thị N báo cáo Tòa án nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu T là xin được ở với bố.

5, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã N ngày 18/5/2022 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị L và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/9/2004 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị L chung sống cùng anh H tại khu Xóm T, xã N, vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau, từ đó chị L ra ngoài làm ăn không còn chung sống cùng anh H nữa. Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/8/2004, Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/4/2009 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/10/2011. Từ năm 2013 đến nay cả ba con chung đều ở cùng anh H, chị L chỉ thỉnh thoảng về thăm con xong lại đi chứ không ở lại chung sống cùng anh Hóa. Nay chị L xin ly hôn anh H, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao 03 con chung chưa thành niên là Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/8/2004, Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/4/2009 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/10/2011 cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ 01 tháng/1 con chung, kể từ tháng 6/2022 cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu Xóm Trong, xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị L có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh H Toà án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, □iều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị L và anh H là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 24/9/2004 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị L cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, đã ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hóa. Phía anh H Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh H có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị L và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2022 bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ anh H) trình bày sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng anh H và gia đình bà, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì chị L ra ngoài đi làm ăn. Từ năm 2015 đến nay chị L không quay về chung sống cùng anh H nữa, giữa chị L và anh H không nói chuyện được với nhau, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã

tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị L và anh H được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn chị L anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau, từ đó chị L ra ngoài làm ăn không còn chung sống cùng anh H nữa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh H đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L anh H có 03 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/8/2004, Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/4/2009 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/10/2011. Khi ly hôn chị L nhất trí giao cả ba con chung cho anh H được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay cả ba con chung đang ở cùng anh H, nguyện vọng của các con chung đều xin được ở với anh H. Để ổn định chỗ ăn, ở thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của các con chung cần giao cả ba con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ 01 tháng/1 con chung, kể từ tháng 6/2022 cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là sự tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[2]. Về con chung: Giao 03 con chung chưa thành niên là Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/8/2004, Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/4/2009 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 08/10/2011 cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ 01 tháng/1 con chung, kể từ tháng 6/2022 cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0007839 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm khê, tỉnh Phú Thọ. Nay chị L còn phải nộp thêm 300.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã N;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền